CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0189.NT.2(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng	: **CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa chỉ	: Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu	: **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)** KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu	: Nước thải
Mô tả mẫu	: Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu	: 30/06/2026
Mã số mẫu	: 26.0189.NT1
Thông tin lấy mẫu	: Nước thải sau xử lý được thu gom về hố ga cuối cùng và xả ra hệ thống thoát nước chu của Khu công nghiệp Khánh An. (Tọa độ vị trí xả thải: X = 1020531,7; Y = 561251,92.)
Ngày phân tích mẫu	: 01/07/2026 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp thực hiện
1.	pH [(a)]	-	7,63	**5,5 ÷ 9**	SMEWW 4500-H^+.B:2023[(*)]
2.	Nhiệt độ[(a)]	°C	29,1	**40**	SMEWW 2550B:2023[(*)]
3.	TSS[(a)(b)]	mg/L	18,2	**100**	TCVN 6625:2000
4.	BOD_5[(a)(b)]	mg/L	KPH *(LOD=2,1)*	**50**	TCVN 6001-1:2021

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn

VACI VALAS 113
VIMCERTS 314

Số: 0189.NT.2(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp thực hiện
5.	COD[(a)]	mg/L	3,98	**150**	SMEWW 5220C:2023
6.	Tổng Nitơ[(a)(b)]	mg/L	2,13	**40**	TCVN 6638:2000
7.	Clorua[(a)(b)]	mg/L	95,4	**1.000**	TCVN 6194:1996
8.	Tổng Phospho[(a)(b)]	mg/L	0,0613	**6**	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9.	Dầu mỡ khoáng[(a)(b)]	mg/L	0,435	**10**	SMEWW 5520B&F:2023
10.	Cr (VI) [(a)(b)]	mg/L	KPH *(LOD=0,002)*	**0,1**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
11.	Fe[(a)(b)]	mg/L	1,19	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2023
12.	Cu[(a)(b)]	mg/L	KPH *(LOD=0,033)*	**2**	SMEWW 3111B:2023
13.	Zn[(a)(b)]	mg/L	0,028	**3**	SMEWW 3111B:2023
14.	Cd[(a)(b)]	mg/L	KPH *(LOD=0,00016)*	**0,1**	SMEWW 3113B:2023
15.	Pb[(a)(b)]	mg/L	0,013	**0,5**	SMEWW 3113B:2023
16.	As[(a)(b)]	mg/L	0,006	**0,1**	SMEWW 3114C:2023
17.	Hg[(a)(b)]	mg/L	0,0005	**0,01**	SMEWW 3112B:2023
18.	*Coliform*[(a)(b)]	MPN/ 100mL	2.400	**5.000**	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

[(b)]: Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

KT. GIÁM ĐỐC P. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017